| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 11 – VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 46/2025/DS-ST
Ngày: 26/9/2025
"V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trang
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1/ Ông Nguyễn Văn Điền
2/ Ông Trương Thanh Nhàn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Quách Thúy Lam - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2025/TLST-DS, ngày 18 tháng 02 năm 2025 về *Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị N, sinh năm 1962 - Có mặt.

Địa chỉ: ấp T, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N1, sinh năm 1967, Địa chỉ: ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản uỷ quyền ngày 06/01/2025) - Có mặt.

- *Bị đơn*:

1. Ông Trần Văn S, sinh năm 1966 - Vắng mặt.
2. Bà Hồ Thị N2, sinh năm 1969 - Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà Hồ Thị N2: Ông Trần Văn L, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp T, xã N, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 23/9/2025) - Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2025, bản tự khai của bà Trần Thị N, quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Kim N1 trình bày*: Từ tháng 02 đến tháng 5 năm 2024, ông Trần Văn S, bà Hồ Thị N2 (là vợ chồng) có mua thiếu lúa, gạo của bà Trần Thị N, do chỗ quen biết nên không có lập biên nhận nợ mà bà N chỉ ghi vào sổ của bà, tổng số gạo là 600kg với giá 18.000 đồng/kg bằng 10.800.000 đồng và lúa là 350kg với giá 12.000 đồng/kg bằng 4.200.000 đồng. Tổng tiền lúa và gạo ông S, bà N2 nợ bà N là 15.000.000 đồng. Sau đó, ông S, bà N2 trả được 1.100.000 đồng (bằng cách lấy rau, cải của N2 bán để trừ nợ), không nhớ thời gian trả tiền, hiện ông S, bà N2 còn nợ 13.900.000 đồng. Bà N nhiều lần yêu cầu ông S, bà N2 trả tiền nhưng vẫn chưa trả. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu ông S, bà N2 hoàn trả lại cho bà N số tiền mua lúa, gạo còn nợ là 13.900.000 đồng. Ngoài ra không có yêu cầu khác khác.

Bị đơn ông Trần Văn S, bà Hồ Thị N2, quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đối chất nhưng ông, bà không đến Tòa án. Vì vậy, không có lời khai của ông S, bà N2. Do đó, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt đương sự và thông báo kết quả theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bà N1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của bà N như nêu trên.

Tại phiên tòa, ông Trần Văn S là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2025/QĐXXST-DS ngày 27/8/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2025/QĐST-DS ngày 11/9/2025 và Giấy triệu tập đương sự nhưng ông S vắng mặt không có lý do. Bà Hồ Thị N2 vắng mặt có ủy quyền cho ông Trần Văn L làm đại diện. Ông L khai ông là con ruột của ông S, bà N2 và sống chung nhà, trước năm 2023 bà N2 có nợ tiền hụi của bà N, bà N có ghi giấy nợ giao cho bà N2 trong đó có nội dung bà N2 nợ tiền hụi, tiền lúa gạo. Sau khi nhận giấy ghi nợ bà N2 đối chiếu thừa nhận có nợ tiền hụi của bà N và gia đình ông đã trả xong nợ tiền hụi cho bà N. Đối với nợ tiền lúa, gạo ông S, bà N2 không xác nhận có nợ và từ năm 2023 cho đến nay ông S, bà N2 không mua lúa, gạo của bà N nên ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà N đòi ông S, bà N2 trả số tiền 13.900.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

*Về tố tụng*: Thẩm phán tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng đầy đủ theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình, không có mặt tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không có măt tại Toà mặc dù Tòa án thông báo hợp lệ.

*Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N về việc yêu cầu ông Trần Văn S, bà Hồ Thị N2 trả số tiền 13.900.000 đồng.

Về án phí: Bà Trần Thị N phải chịu nhưng do bà N là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí nên bà N không phải nộp.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Trần Văn S là bị đơn trong vụ án đã được Tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng tại phiên tòa ông S tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Bà Trần Thị N khởi kiện ông Trần văn S, bà Hồ Thị N2 có địa chỉ cư trú ấp T, xã N, tỉnh Vĩnh Long yêu cầu giải quyết buộc ông S, bà N2 phải trả số tiền mua lúa, gạo còn nợ. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện*: Bà Trần Thị N khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn S, bà Hồ Thị N2 trả số tiền mua lúa, gạo còn nợ là 13.900.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc giao dịch mua bán lúa, gạo giữa bà Trần Thị N với ông Trần Văn S, bà Hồ Thị N2 do bà N ghi vào sổ của bà quản lý không có chữ ký xác nhận của ông S, bà N2.

Đối với giấy ghi nợ do bà N viết giao cho bà N2 có nội dung bà N2 thiếu tiền hụi và tiền mua lúa, gạo không thể hiện thời gian nào. Tại phiên tòa, bà N và ông L đều thừa nhận trước đây bà N2 có nợ tiền hụi của bà N, giấy ghi nợ tiền hụi và tiền lúa, gạo do bà N viết. Ông L khai khi bà N2 nhận giấy ghi nợ bà N2 có xác nhận chỉ nợ tiền hụi không có nợ tiền mua lúa, gạo và đã trả hết nợ tiền hụi cho bà N trước năm 2023, bà N cũng xác nhận bà N2 trả xong tiền hụi cho bà.

Đối với người làm chứng do bà N yêu cầu Tòa án xác minh: Bà Tô Thị Đ cung cấp lời khai bà có biết bà N2 có mua lúa, gạo của bà N nhưng mua trả tiền mặt hay mua thiếu thì bà không biết; bà không thấy ông S đi mua lúa, gạo của bà N (bút lục 35). Đối với bà Trần Thị X khai bà thấy bà N2 có đến mua lúa gạo của bà N rồi ông S (chồng bà N2) đến chở về, khi ông S đến chở lúa, gạo bà có nghe ông S nói với bà N là "để vợ em tính với chị nghe". Ông S, bà N2 mua lúa, gạo của bà N thời gian nào thì bà không nhớ (bút lục 36). Điều này chỉ thể hiện việc ông S, bà N2 có mua lúa, gạo của bà N là có thật nhưng không có chứng cứ chứng minh ông S, bà N2 còn nợ tiền mua lúa, gạo của bà N.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt cho nguyên đơn nhận quyết định số: 90/2025/QĐ-CCTLCC ngày 19/5/2025 về việc yêu cầu nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông S, bà N2 còn nợ bà N tiền mua lúa, gạo là 13.900.000 đồng nhưng đến tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N yêu cầu ông S, bà N2 trả số tiền 13.900.000 đồng.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu của bà N không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, bà N hiện 63 tuổi, theo quy định của Luật người cao tuổi thì bà N thuộc diện người cao tuổi nên cho bà N được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Xét ý kiến đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Vĩnh Long là phù hợp quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 228, 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2, 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ các Điều 275, 429, 430 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 12, 14, 15 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử**:

**1.** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị N yêu cầu ông Trần Văn S, bà Hồ Thị N2 trả số tiền mua lúa, gạo còn nợ là 13.900.000 đồng (*Mười ba triệu, chín trăm nghìn đồng*).

**2.** *Về án phí*: Bà Trần Thị N được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

**3.** *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn do bà Nguyễn Thị Kim N1 làm đại diện, bị đơn bà Hồ Thị N2 do ông Trần Văn L làm đại diện có mặt tại phiên tòa được được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn ông Trần Văn S vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV 11 - Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Trang**